CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sông Đà 505

Ngày 30/09/2025	57,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	**-3.3%**	**-1.6%**

DT thuần
Q3/25
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.00| 6.0%
YoY: ▲ 12.2| 12.8%

LN thuần
Q3/25
51.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.90| 8.2%
YoY: ▲ 6.60| 14.8%

LN sau thuế
Q3/25
51.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -13.5%
YoY: ▲ 7.60| 17.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
61.2%
YoY: +/-▼ 19.6%

ROE (TTM)
Q3/25
12.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

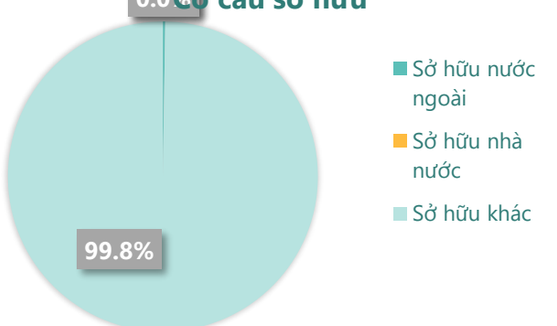
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	51,073 - 68,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	570
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.25
EPS	12,410
P/E	4.6

DT thuần
9T 2025
266
tỷ VNĐ
YoY: ▼243| -47.7%

LN thuần
9T 2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00| 3.2%

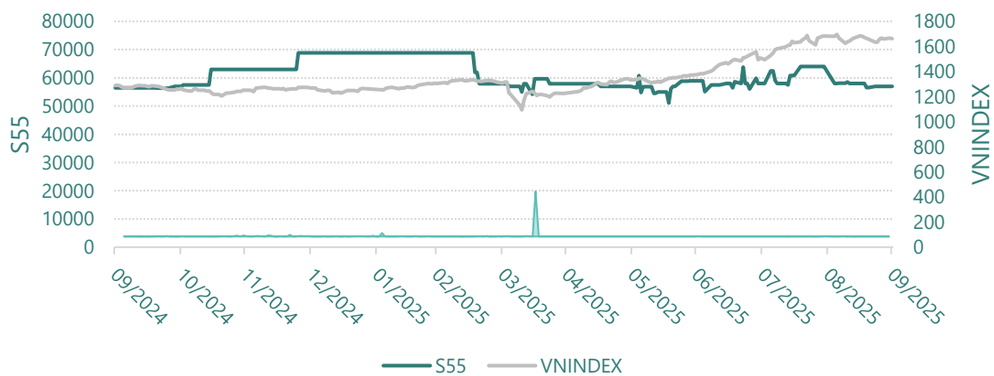
LN sau thuế
9T 2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.1| 20.2%

Cơ cấu sở hữu

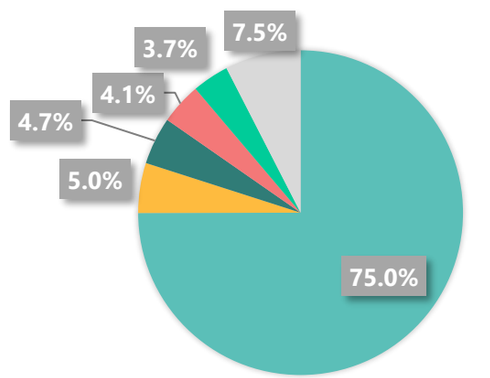


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



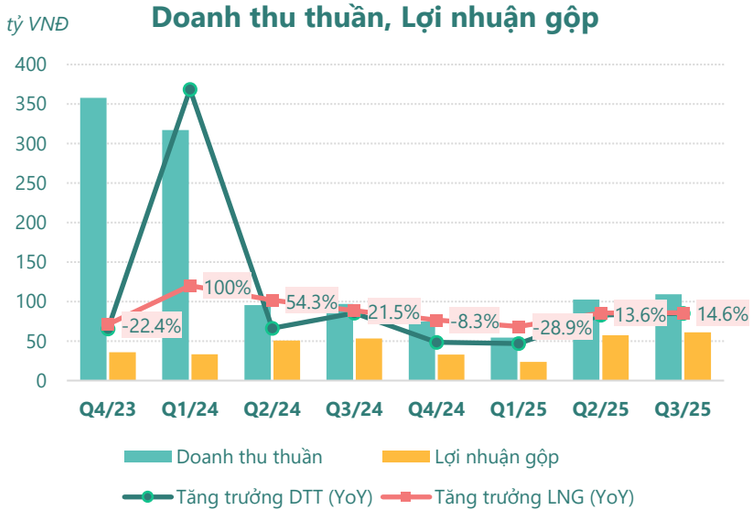
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

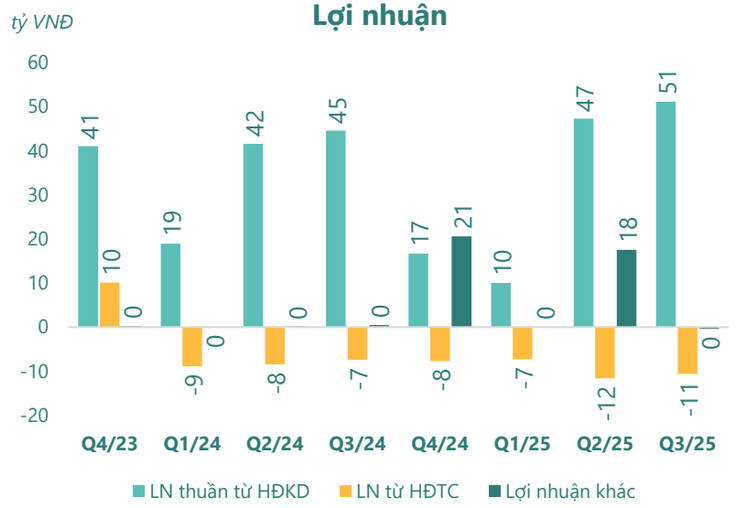
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



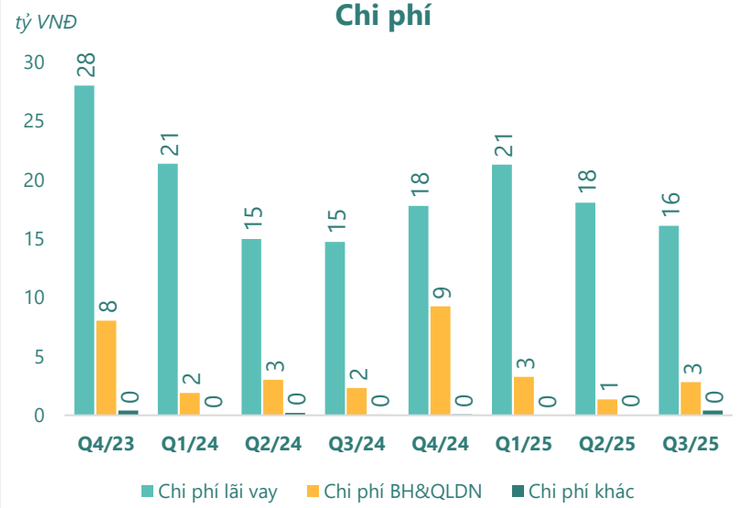
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



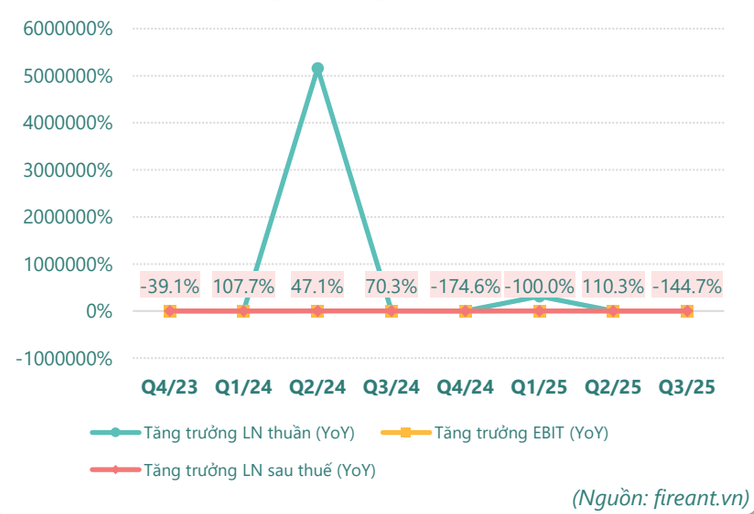
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



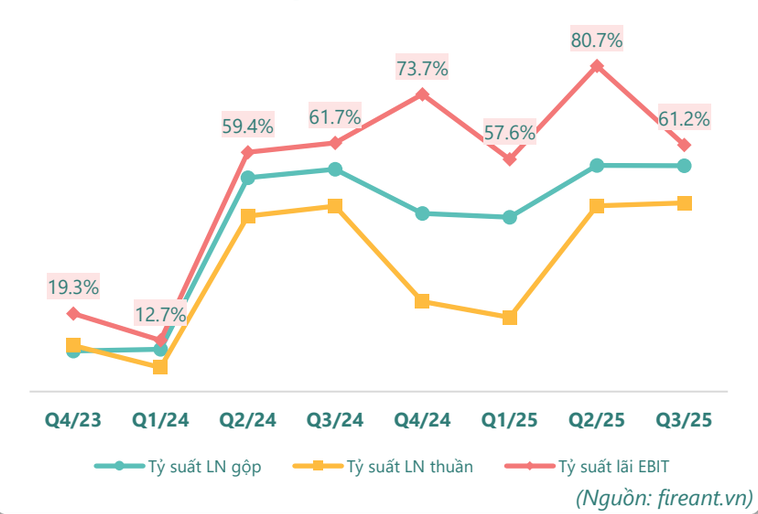
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



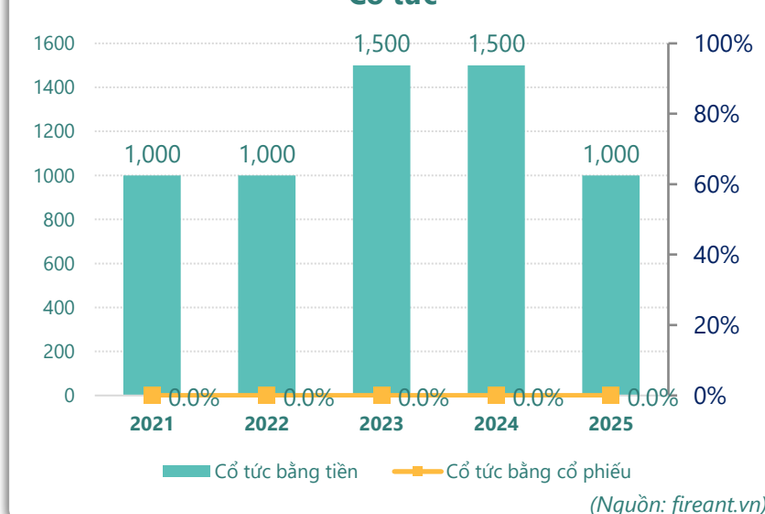
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

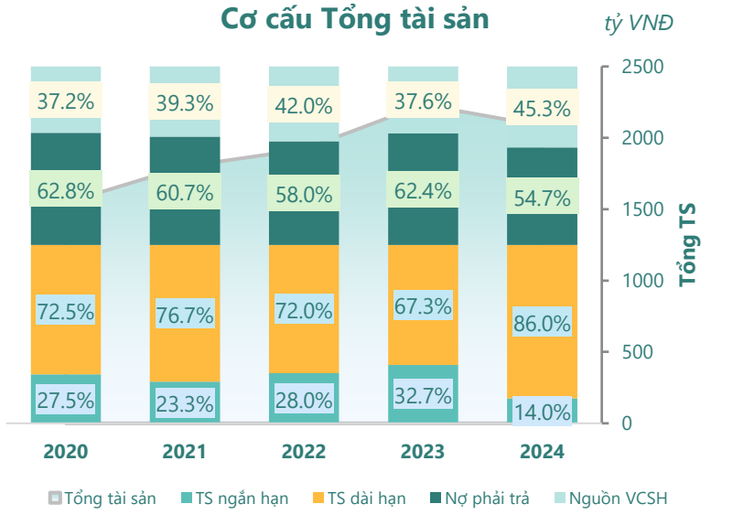
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

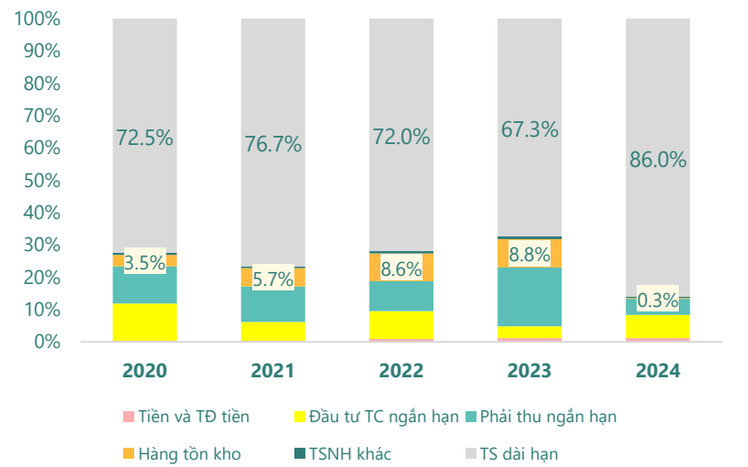
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



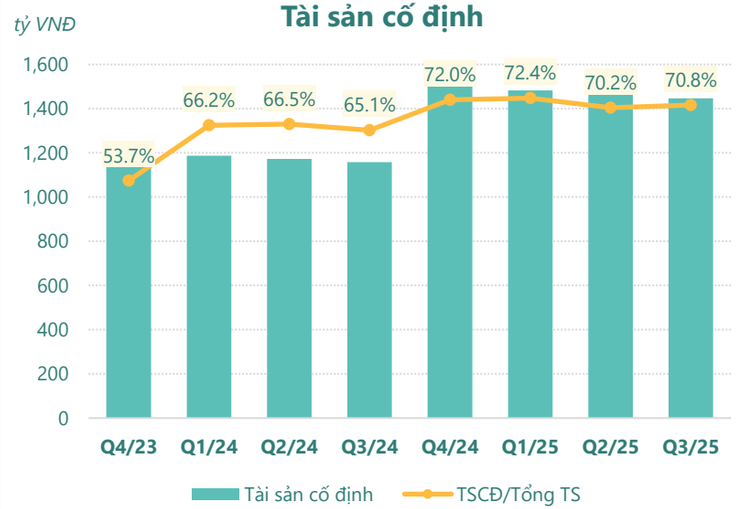
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



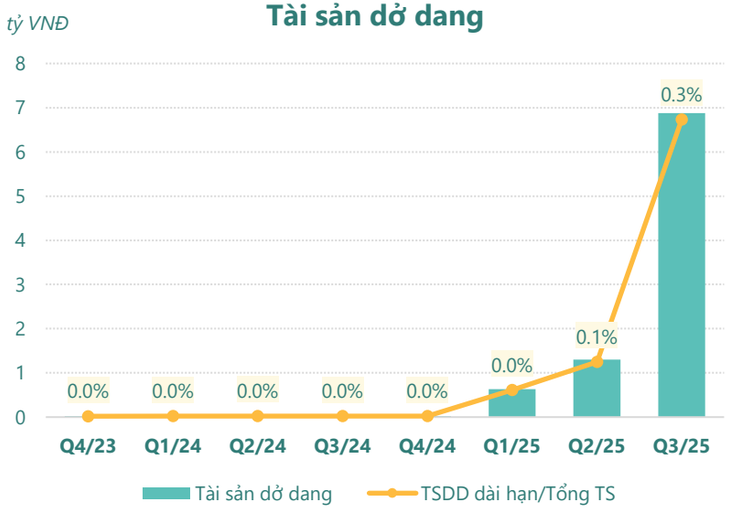
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



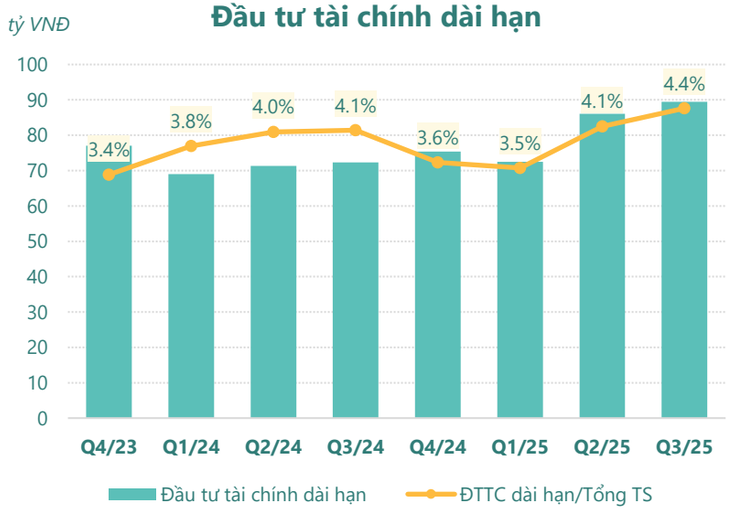
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



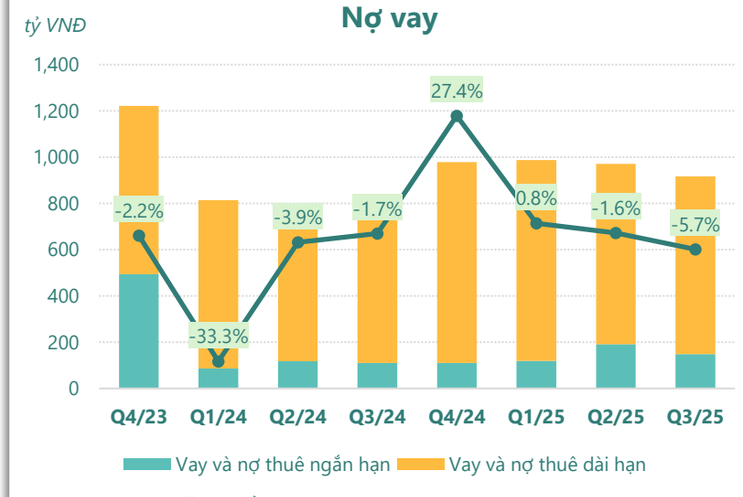
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

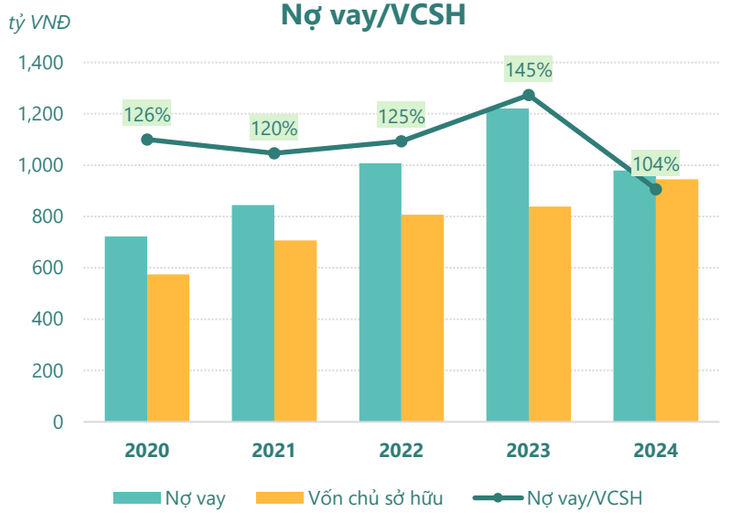
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



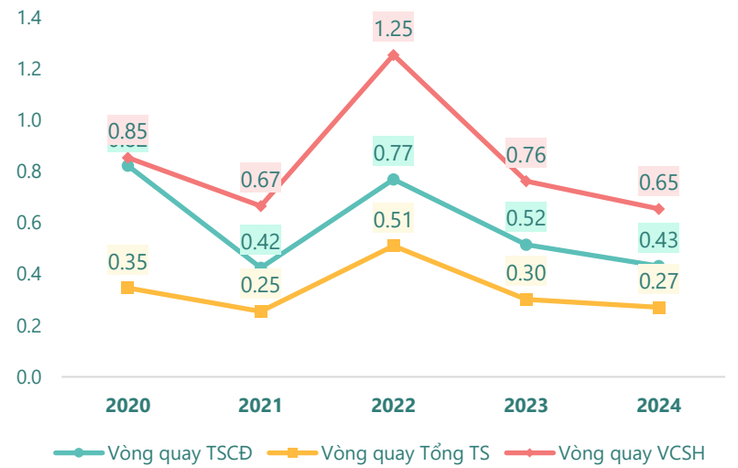
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



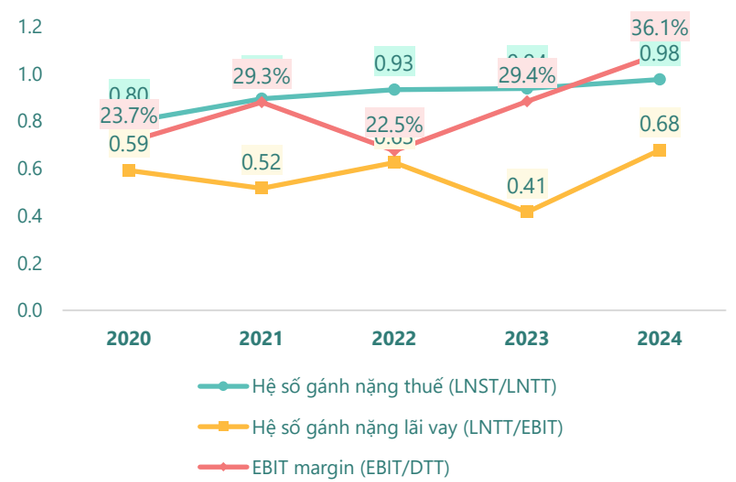
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



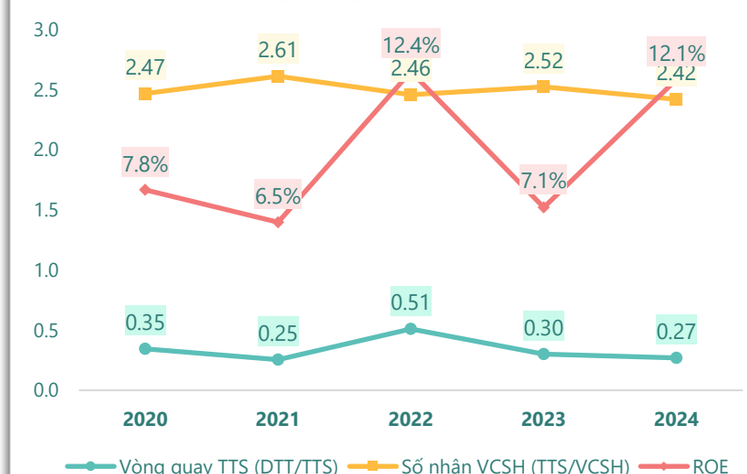
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



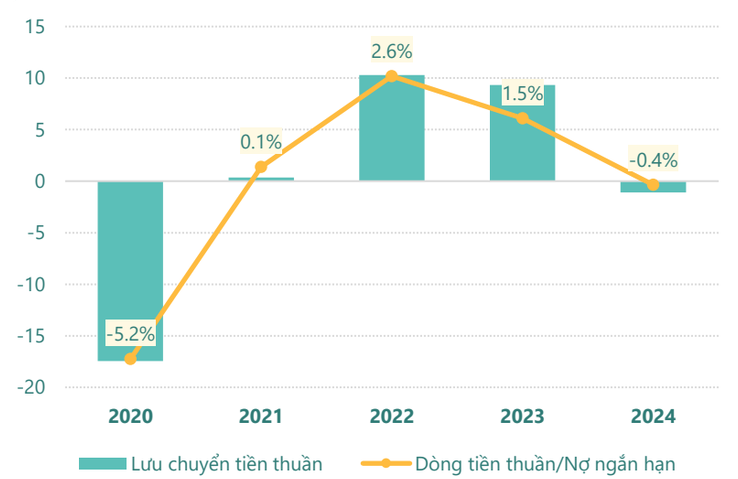
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**109**	**96.8**	**12.8%**	**266**	**509**	**-47.7%**
Giá vốn hàng bán	48.1	43.5	10.5%	124	372	-66.7%
Lợi nhuận gộp	61.1	53.4	14.5%	142	137	3.7%
Doanh thu HĐTC	5.49	7.27	-24.5%	26.0	26.3	-1.1%
Chi phí TC	16.1	14.7	9.6%	55.6	51.1	8.8%
Chi phí lãi vay	16.1	14.7	9.6%	55.5	51.1	8.6%
LN trong công ty LKLD	**3.38**	**0.96**	**252%**	**3.12**	**-0.12**	**2627%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.82**	**2.32**	**21.5%**	**7.42**	**7.23**	**2.6%**
LN thuần từ HĐKD	51.1	44.5	14.8%	108	105	3.2%
Lợi nhuận khác	**-0.40**	**0.43**	**-194%**	**17.1**	**0.58**	**2877%**
LN trước thuế	50.7	45.0	12.6%	125	106	18.8%
Lợi nhuận sau thuế	**51.1**	**43.5**	**17.5%**	**120**	**99.9**	**20.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**36.9**	**31.4**	**17.6%**	**91.6**	**73.8**	**24.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.2	83.3	30.4	-35.7	16.4	92.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.7	-74.3	12.5	4.34	7.90	-5.84
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.9	-13.7	-27.0	7.77	-20.8	-83.0
Tiền đầu kỳ	64.3	9.82	5.14	24.9	1.34	4.85
Lưu chuyển tiền thuần	**-54.5**	**-4.68**	**16.0**	**-23.6**	**3.51**	**3.34**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.82	5.14	21.1	1.34	4.85	8.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,042**	**2,084**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	316	291	8.6%
Tiền và tương đương tiền	8.19	24.9	-67.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	149	-4.4%
Phải thu ngắn hạn	134	103	30.6%
Hàng tồn kho	21.4	5.49	290%
Tài sản ngắn hạn khác	9.65	8.81	9.6%
Tài sản dài hạn	**1,725**	**1,793**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	112	144	-22.7%
Tài sản cố định	1,446	1,501	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.88	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	89.4	75.4	18.6%
Tài sản dài hạn khác	**71.2**	**72.2**	**-1.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	996	1,139	-12.6%
Nợ ngắn hạn	**202**	**284**	**-28.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	151	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.52	35.3	-87.2%
Nợ dài hạn	794	855	-7.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	768	828	-7.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,045**	**945**	**10.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,045**	**945**	**10.6%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)